

Số: /QĐ - SCT

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG QUẢNG TRỊ

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Căn cứ Công văn số 04 /STC-TCHCSN ngày 03/01/2023 của Sở Tài chính về việc Thông báo dự toán chi NSNN năm 2023.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sở Công Thương Quảng Trị công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP, KT.

GIÁM ĐỐC

Lê Tiên Dũng

DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT, ngày /01/2023
của Sở Công Thương Quảng Trị)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu	
B	Dự toán ngân sách cấp	5.794.000.000
I	Kinh phí giao tự chủ (Nguồn 13)	4.428.000.000
1	Chi cho con người	3.852.000.000
2	Chi cho công việc theo định mức	576.000.000
II	Kinh phí không giao tự chủ (Nguồn 12)	1.366.000.000
1	Trang phục Thanh tra	20.000.000
2	Ban chỉ đạo 389/ĐP	263.000.000
3	Ban chỉ đạo an toàn lưới điện cao áp	81.000.000
4	Ban chỉ đạo Hội nhập kinh tế quốc tế	95.000.000
5	Kinh phí hoạt động thương mại điện tử và HNKTQT	262.000.000
6	Hỗ trợ xăng xe, công tác phí	162.000.000
7	Sửa chữa tài sản	100.000.000
8	Mua sắm tài sản	160.000.000
9	Tuyên truyền pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm	16.000.000
10	Quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động khuyến công	30.000.000
11	Kinh phí chi trả cho Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	177.000.000